

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nâng cấp, chỉnh trang bờ sông Đào kết hợp đường giao thông (đoạn từ cầu Đồng Lâm đến giáp xã Cát Thành) của Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản số 3152/STNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng cấp, chỉnh trang bờ sông Đào kết hợp đường giao thông (đoạn từ cầu Đồng Lâm đến giáp xã Cát Thành) của Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Khánh;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nâng cấp, chỉnh trang bờ sông Đào kết hợp đường giao thông (đoạn từ cầu Đồng Lâm đến giáp xã Cát Thành) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 45/UBND-VP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Khánh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 10/TTr-SNNMT ngày 05 tháng 3 năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nâng cấp, chỉnh trang bờ sông Đào kết hợp đường giao thông (đoạn từ cầu Đồng Lâm đến giáp xã Cát Thành) của Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Khánh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở NN&MT;
- UBND huyện Phù Cát;
- CVP UBND tỉnh;
- UBND xã Cát Khánh;
- Lưu: VT, K4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NÂNG CẤP, CHỈNH TRANG BỜ SÔNG ĐÀO KẾT HỢP ĐƯỜNG GIAO
THÔNG (ĐOẠN TỪ CẦU ĐỒNG LÂM ĐẾN GIÁP XÃ CÁT THÀNH)
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN CÁT KHÁNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng cấp, chỉnh trang bờ sông Đào kết hợp đường giao thông (đoạn từ cầu Đồng Lâm đến giáp xã Cát Thành) – sau đây gọi là Dự án.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Khánh.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi:
 - + Điểm đầu: Giáp xã Cát Thành;
 - + Điểm cuối: Giáp đập Cây Cam.
- Quy mô: Tổng chiều dài khoảng 6.958,67 m, chia làm 2 đoạn:
 - + Đoạn 1: điểm đầu giáp xã Cát Thành đến điểm cuối giáp cầu Đồng Lâm, chiều dài L = 3.861,09 m (trong đó: bờ tả L = 1.925,09 m; bờ hữu L = 1.936m).
 - + Đoạn 2: điểm đầu từ cầu Đồng Lâm đến điểm cuối giáp đập Cây Cam số 2, chiều dài 3.035,09 m (trong đó: bờ tả L= 1.509,86 m, bờ hữu L = 1.525,23m); gia cố tuyến kè đoạn bờ tả L=7,73 m và bờ hữu L=54,76 m.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

- a) Đoạn 1: Xây dựng kè mái taluy 02 bên bờ sông kết hợp đường giao thông:
 - Bề rộng mặt kè: (3,0 ÷ 4,0)m.
 - Thân kè đắp đất đầm chặt K95.
 - Kết cấu mái kè: Mái phía sông gia cố bằng tấm bê tông (45x45x10)cm, đệm dầm 2x4 dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung vây bê tông cốt thép M200 đá 1x2, cắt nhịp dài 11,65m; dầm đỉnh kích thước BxH = (25x50)cm, dầm ngang mái kích thước BxH = (20x30)cm. Mái phía đồng gia cố bằng bê tông M200 dày 12cm.
 - Kết cấu đỉnh kè kết hợp giao thông: bờ tả rộng 4,0m, kết cấu bê tông đổ tại chỗ M250, đá 2x4, dày 18cm; bờ hữu rộng 3,0m, kết cấu bê tông đổ tại chỗ M250,

đá 2x4, dày 16cm; riêng đoạn kè từ Km0 + 0,75m đến Km0 + 232m, L = 231,25 m, bờ rộng 1,0 m bằng bê tông M200 dày 12 cm.

- Gia cố chân kè: Mái phía sông chân khay bằng dầm bê tông cốt thép M200, kích thước BxH = (25x50)cm phía ngoài đổ đá rôi; mái phía đồng bờ hữu chân khay bằng bê tông M200, kích thước BxH (20x40)cm.

- Công trình trên tuyến gồm: 14 cống tiêu D600m và 19 cống tiêu D400m bằng BTCT ly tâm; cửa vào, ra bằng bê tông M200, đá 2x4; 01 cầu rộng B = 3,0m làm mới tại lý trình Km1+745,0 và 07 bậc cấp, kết cấu BTCT.

b) Đoạn 2: Xây dựng đường giao thông nông thôn dọc theo 02 bên đê kè:

- Bề rộng đê kè sau khi mở rộng: bờ tả rộng 4,0m; bờ hữu rộng 3,0m;

- Kết cấu đê kè: bờ tả bằng bê tông đổ tại chỗ M250, đá 2x4, dày 18cm; bờ hữu kết cấu bê tông đổ tại chỗ M250, đá 2x4, dày 16cm;

- Gia cố tuyến kè: đoạn bờ tả từ lý trình từ Km1+448,89m đến Km1+456,62m, chiều dài L= 7,73m; bờ hữu từ lý trình Km0+82,30m đến Km0+33,30m, chiều dài L= 49,00m và đoạn lý trình Km1+450,86m đến Km1+456,62m, chiều dài L= 5,76m. Kết cấu mái bằng tấm bê tông (45x45x10)cm, đệm dầm đá 2x4, dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung vây bê tông cốt thép M200 đá 1x2, cắt nhịp dài 11,65m; dầm đỉnh kích thước BxH = (25x50)cm, dầm ngang mái kích thước BxH = (20x30)cm. Gia cố chân kè kết cấu bằng dầm bê tông cốt thép M200, kích thước BxH = (25x50) cm, phía ngoài đổ đá rôi. Gia cố mái phía đồng kết cấu mái bằng bê tông M200 dày 12 cm, hệ số m=1,5.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: công trường thi công, bố trí 01 lán trại

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: 02 nhà vệ sinh di động, các thùng chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại có dán nhãn cảnh báo tại khu vực lán trại; 01 bãi thải có diện tích khoảng 4.860 m² (thuộc thôn Phú Long, thị trấn Cát Khánh).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích khoảng 12.662,7 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Trong giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp, san nền mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, hệ thống thoát nước, các công trình phụ trợ và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, ảnh hưởng đến cảnh quan, tiềm ẩn nguy

cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, gây ngập úng, gián đoạn nguồn nước tưới, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước tại khu vực, sự cố sạt lở và sự cố cháy, nổ,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,72 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công với lưu lượng khoảng 2,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Giai đoạn thi công: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang, đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển, bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu, đất đào bóc, hoạt động giải phóng mặt bằng, đổ BTXM mặt đường,...; khí thải từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 13,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, thức ăn thừa,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Hoạt động bóc phong hóa phát sinh khoảng 3.940 m³.

- Hoạt động bóc tách tầng đất mặt nông nghiệp phát sinh khoảng 2.532,54 m³.

- Hoạt động phát quang cây cối tạo mặt bằng thi công phát sinh khoảng 20 m³ với thành phần chủ yếu là thân, cành, lá cây.

- Trong quá trình thi công, xây dựng phát sinh lượng chất thải rắn thông thường với khối lượng khoảng 139 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là: gạch, bao xi măng, sắt thép vụn,...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát

Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển với khối lượng khoảng 25 kg trong suốt thời gian thi công. Thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau dính

dầu thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy,...

3.3. Tiếng ồn và độ rung

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn và rung chấn có khả năng ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải

Tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ ô nhiễm, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội; thi công hệ thống thoát nước gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước, gây ngập úng cục bộ và gây cản trở hoạt động giao thông đi lại của người dân tại khu vực...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 02 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng: bố trí tại công trường thi công các thùng chứa bằng nhựa, dung tích 2m³ để rửa máy móc, thiết bị thi công. Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng vào mục đích làm ẩm nguyên vật liệu thi công, tưới nước dập bụi. Cặn lắng sẽ được xử lý như đối với chất thải rắn xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các rãnh thu gom nước mưa tạm thời trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để đất, cát được lưu giữ lại, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường; tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu.

4.1.2. Xử lý bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trường phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển để giảm thiểu rơi vãi vật liệu trên đường; xe chờ đúng tải trọng quy định.

- Bố trí công nhân quét dọn, thu gom đất rơi vãi do các xe vận chuyển nguyên vật liệu ra vào thi công dự án.

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn công trường thi công, các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Máy móc, thiết bị thi công đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an

toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Lập kế hoạch thi công trước khi triển khai thi công xây dựng để hạn chế việc tập trung nhiều thiết bị thi công cùng một lúc và thông báo kế hoạch này cho chính quyền và người dân khu vực chủ động trong công tác sinh hoạt và sản xuất.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại, thu gom, lưu chứa trong thùng rác có nắp đậy kín tại các khu vực lán trại. Chất thải được thu gom trong ngày và được công nhân tập kết tại các tuyến đường xung quanh dự án và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; không chôn lấp hoặc đốt rác trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công dự án:

- + Chất thải sinh khối thực vật sẽ chuyển cho các hộ dân thu gom, tái sử dụng. Phần không sử dụng được sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- + Đối với khối lượng bóc tách tầng đất mặt nông nghiệp: Phải lập phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 10 của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- + Khối lượng đất bóc phong hóa được vận chuyển đi đổ thải tại khu vực trũng thấp, có diện tích khoảng 4.860 m² thuộc thôn Phú Long, thị trấn Cát Khánh, do UBND thị trấn Cát Khánh quản lý, cách điểm đầu dự án khoảng 2,5 km.

- + Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường khác: Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định có liên quan.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu khi qua khu vực dân cư phải giảm tốc độ, không chở quá tải và hạn chế bóp còi vào giờ cao điểm.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất; chỉ triển khai Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Đối với khối lượng đất bóc tầng đất mặt đối với diện tích đất trồng lúa từ 02 vụ trở lên phải lập phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa.

4.4.2. Phương án tiêu, thoát nước

Để không ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước khu vực, Chủ dự án thực hiện thi công hệ thống cống thoát nước với kích thước phù hợp để đảm bảo tiêu thoát nước trong quá trình thi công và hình thành dự án. Ưu tiên thi công các công trình thoát nước trên tuyến trước khi thi công dự án.

4.4.3. Biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, đảm bảo an toàn giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông, bố trí người điều tiết giao thông vào giờ cao điểm.

- Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết; hạn chế thi công vào mùa mưa.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

- Quá trình thi công hệ thống thoát nước phải được thực hiện theo đúng trình tự, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chủ quản của các công trình trên để lựa chọn thời điểm thi công thích hợp, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến quá trình dẫn nước tưới và tiêu thoát nước tại khu vực.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: Khu vực hạ lưu giáp cầu Đồng Lâm; tọa độ: X= 1.559.687; Y = 601.332 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trục 108⁰15').

- Các chỉ tiêu giám sát: TSS.
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023 /BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường nước mặt.

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.
- Quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.
- Thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.
- Niêm yết công khai kế hoạch thi công, các giải pháp bảo vệ môi trường để người dân theo dõi, giám sát.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường./.